

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/DS-ST

Ngày: 15 - 8 - 2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Hoàng Anh

Ông Nguyễn Văn Bé Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Cường - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2015/TLST-DS ngày 07/7/2015 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông **T**, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

2. Bà **P**, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: số 53, A, Australia.

Cùng tạm trú tại số 76B, đường A, phường B, thành phố C, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà P và ông T có: Ông **V**, sinh năm 1955. Địa chỉ cư trú: Số 33/15A, đường A, phường B, thành phố C, tỉnh Vĩnh Long. Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 28/8/2015).(Có mặt)

Bị đơn: 1. Ông **D**, sinh năm 1961.(Có mặt)

2. Bà **L**, sinh năm 1960. (Có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số 60, đường A, phường B, thành phố C, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có Luật gia **N** – Hội luật gia tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 16/6/2015, biên bản đối chất ngày 13/7/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn T và P có ông V làm đại diện trình bày:

Do có quan hệ thân thuộc giữa L và T (là anh em bạn dì ruột) nên từ năm 2013 đến năm 2015 ông T, bà P cho vợ chồng L và D vay 12 lần (theo 12 biên nhận) với số vốn là 950.000.000đ, lãi suất 18%/năm, thỏa thuận trả lãi vào ngày 16 tây hàng tháng. Ông D bà Kim L trả lãi đến ngày 16/3/2015 (dương lịch) được 123.750.000đ. Số lần vay cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 18/11/2013 (dương lịch), vay 200.000.000đ, kỳ hạn 2 năm trả vốn (18/11/2015), mỗi năm trả 100.000.000đồng, lãi suất 18%/năm. Năm đầu bị đơn không trả vốn nên thỏa thuận miệng đến hết năm thứ 2 sẽ trả vốn 200.000.000đồng. Đã nhận tiền lãi đến ngày 16/3/2015 là 16 tháng với số tiền 48.000.000đ.

Nay yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng, lãi suất là 1.125%/tháng tính từ ngày 18/11/2013 đến ngày 18/11/2015 là 54.000.000đồng; yêu cầu trả lãi theo lãi suất 0.75%/tháng từ 19/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 15/8/2017 số tiền là 31.350.000đồng. Tổng cộng chung tiền lãi là 85.350.000đồng. Do bị đơn đã trả lãi số tiền 48.000.000đồng nên nay nguyên đơn yêu cầu trả tiếp số tiền lãi là 37.350.000đồng.

Lần 2: Ngày 18/12/2013 (dương lịch), vay 30.000.000đồng, lãi suất 18%/năm, không thời hạn. Đã nhận tiền lãi đến ngày 16/3/2015 là 15 tháng với số tiền 6.750.000đồng.

Nay yêu cầu trả bị đơn trả lại số tiền vốn 30.000.000đồng, lãi suất là 1.125%/tháng tính từ ngày 18/12/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (15/8/2017) với số tiền 14.816.250đồng. Do bị đơn trả lãi số tiền 6.750.000đồng nên nay nguyên đơn yêu cầu trả tiếp số tiền lãi là 8.066.250đồng.

Lần 3: Ngày 28/12/2013 (dương lịch), vay 70.000.000đ, lãi suất 18%/năm, thời hạn trả ngày 26/02/2015 (âm lịch). Trả lãi đến ngày 16/3/2015 là 15 tháng với số tiền 15.750.000đồng.

Nay yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn 70.000.000đồng, lãi suất là 1.125%/tháng tính từ ngày 28/12/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (15/8/2017) số tiền 34.308.750đồng. Do bị đơn đã trả lãi 15.750.000đồng nên nay nguyên đơn yêu cầu trả tiếp số tiền lãi là 18.558.750đồng.

Lần 4: Ngày 25/02/2014 âm lịch (nhằm ngày 25/3/2014 dương lịch), vay 20.000.000đ, lãi suất 18%/năm, vay không thời hạn. Đã nhận tiền lãi đến ngày 16/3/2015 dương lịch là 12 tháng số tiền 3.600.000đồng.

Nay yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn 20.000.000đồng, lãi suất là 1.125%/tháng tính từ ngày 25/3/2014 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm

(15/8/2017) với số tiền 9.150.000đồng. Do bị đơn đã trả lãi số tiền 3.600.000đồng nên nay nguyên đơn yêu cầu trả tiếp số tiền lãi là 5.550.000đồng.

Lần 5: Ngày 08/4/2014 âm lịch (nhằm ngày 06/5/2014 dương lịch), vay 20.000.000đ, lãi suất 18%/năm, vay không thời hạn. Đã nhận tiền lãi đến ngày 16/3/2015 (dương lịch) là 10 tháng là 3.000.000đồng.

Nay yêu cầu bị đơn trả vốn 20.000.000đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất là 1.125%/tháng tính từ 06/5/2014 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (15/8/2017) với số tiền 8.842.500đồng. Do bị đơn đã trả lãi số tiền 3.000.000đồng nên nay nguyên đơn yêu cầu trả tiếp số tiền lãi là 5.842.500đồng.

Lần 6: Ngày 24/9/2014 (dương lịch), vay 150.000.000đồng, thời hạn vay là 01 năm (24/9/2015), lãi suất 18%/năm. Đã nhận tiền lãi đến ngày 16/3/2015 là 6 tháng số tiền 13.500.000đồng.

Nay yêu cầu bị đơn trả vốn 150.000.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 24/9/2014 đến ngày 24/9/2015, lãi suất 1.125%/tháng với số tiền 20.250.000đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 25/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (15/8/2017) lãi suất 0.75%/tháng với số tiền 25.537.500đồng. Cộng chung tiền lãi là 45.787.500đồng. Do bị đơn đã trả lãi số tiền 13.500.000đồng nên nay nguyên đơn yêu cầu trả tiếp số tiền lãi là 32.287.500đồng.

Lần 7: Ngày 11/9/2014 âm lịch (nhằm ngày 04/10/2014 dương lịch), vay 300.000.000đ, thời hạn 03 năm, lãi suất 18%/năm. Đã nhận tiền lãi đến ngày 16/3/2015 dương lịch là 05 tháng 12 ngày với số tiền 27.000.000đồng.

Nay yêu cầu bị đơn trả lại vốn 300.000.000đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất là 1.125%/tháng tính từ ngày 04/10/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (15/8/2017) với số tiền 115.762.500đồng. Do bị đơn đã trả lãi số tiền 27.000.000đồng nên nay nguyên đơn yêu cầu trả tiếp số tiền lãi là 88.762.500đồng.

Lần 8: Ngày 28/10/2014 (dương lịch), vay 30.000.000đ, lãi suất 18%/năm, vay không thời hạn. Đã nhận tiền lãi đến ngày 16/3/2015 dương lịch là 5 tháng là 2.250.000đồng.

Nay yêu cầu bị đơn trả vốn là 30.000.000đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất là 1.125%/tháng tính từ ngày 28/10/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (15/8/2017) với số tiền 11.328.750đồng. Do bị đơn đã trả lãi số tiền 2.250.000đồng nên nay nguyên đơn yêu cầu trả tiếp số tiền lãi là 9.078.750đồng.

Lần 9: Ngày 12/11/2014 âm lịch (nhằm ngày 02/01/2015 dương lịch), vay 30.000.000đ, lãi suất 18%/năm, vay không thời hạn. Đã nhận tiền lãi đến ngày 16/3/2015 dương lịch là 02 tháng là 900.000đồng.

Nay yêu cầu bị đơn trả vốn 30.000.000đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất là 1.125%/tháng tính từ ngày 02/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/8/2017 với số tiền 10.608.750đồng. Do bị đơn đã trả lãi số tiền 900.000đồng nên nay nguyên đơn yêu cầu trả tiếp số tiền lãi là 9.708.750đồng.

Lần 10: Ngày 21/11/2014 âm lịch (nhằm ngày 11/01/2015 dương lịch), vay 40.000.000đồng, vay không thời hạn, lãi suất 18%/năm. Đã nhận tiền lãi được 02 tháng là 1.200.000đồng.

Nay yêu cầu bị đơn trả tiền vốn 40.000.000đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất là 1.125%/tháng tính từ ngày 11/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/8/2017 số tiền 14.010.000đồng. Do bị đơn đã trả lãi số tiền 1.200.000đồng nên nay nguyên đơn yêu cầu trả tiếp số tiền lãi là 12.810.000đồng.

Lần 11: Ngày 12/01/2015 dương lịch, vay 20.000.000đồng, lãi suất 18%/năm, vay không thời hạn. Đã nhận tiền lãi đến ngày 16/3/2015 dương lịch là 02 tháng là 600.000đồng.

Nay yêu cầu trả vốn 20.000.000đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất là 1.125%/tháng tính từ ngày 12/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/8/2017 số tiền 6.997.500đồng. Do bị đơn đã trả lãi số tiền 600.000đồng nên nay nguyên đơn yêu cầu trả tiếp số tiền lãi là 6.397.500đồng.

Lần 12: Ngày 26/01/2015 dương lịch, vay 40.000.000đ, lãi suất 18%/năm, vay không thời hạn. Đã nhận tiền lãi đến ngày 16/3/2015 dương lịch là 02 tháng là 1.200.000đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn 40.000.000đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất là 1.125%/tháng tính từ ngày 26/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/8/2017 số tiền 13.785.000đồng. Do bị đơn đã trả lãi số tiền 1.200.000đồng nên nay nguyên đơn yêu cầu trả tiếp số tiền lãi là 12.585.000đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn 950.000.000đồng, tiền lãi là 246.997.500đồng. Tổng cộng 1.196.997đồng (Một tỷ một trăm chín mươi sáu triệu chín trăm chín mươi bảy đồng).

Tại biên bản đối chất ngày 1/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn D và L trình bày:

Lần 1: Ngày 18/11/2013 (dương lịch), vay 200.000.000đ, kỳ hạn 2 năm trả vốn (18/11/2015). Đã đóng lãi được 14 tháng với lãi suất 4,5%/tháng, đóng

lãi 4 tháng, lãi suất 5%/tháng số tiền 166.000.000đồng tiền lãi. Thỏa thuận trả mỗi năm trả 100.000.000đồng. Đã trả vốn 100.000.000đồng không có làm biên nhận trả vốn. Nay bị đơn đồng ý trả số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng, không đồng ý trả lãi.

Lần 2: Đối với giấy mượn tiền ngày 18/12/2013 dương lịch. Bị đơn thừa nhận có ký tên vào biên nhận này nhưng không có nhận 30.000.000đồng, đây là tiền lãi chưa đóng của các khoảng vay trước, nhưng có đóng lãi 5%/tháng, đóng 17 tháng số tiền 25.500.000đồng, không có làm giấy tay, không ai biết. Bị đơn nên không đồng ý trả gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Lần 3: Ngày 28/12/2013 (dương lịch), vay 70.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng, đóng lãi 16 tháng số tiền 56.000.000đồng không có biên nhận, không ai biết. Nay bị đơn đồng ý trả vốn 70.000.000đồng, không đồng ý trả lãi.

Lần 4: Đối với giấy cam kết ngày 25/02/2014 âm lịch (nhằm ngày 25/3/2014 dương lịch). Bị đơn thừa nhận có ký tên vào giấy cam kết này nhưng không có nhận số tiền 20.000.000đồng, đây là tiền lãi chưa đóng của các khoảng vay trước, nhưng có đóng lãi 5%/tháng, đóng được 13 tháng số tiền 13.000.000đồng, việc đóng không làm giấy tay, cũng không ai biết. Nay bị đơn không đồng ý trả gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Lần 5: Đối với giấy cam kết mượn tiền ngày 08/4/2014 âm lịch (nhằm ngày 06/5/2014 dương lịch). Bị đơn thừa nhận có ký tên vào giấy cam kết mượn tiền này nhưng không có nhận tiền, đây là tiền lãi chưa đóng của các khoảng vay trước, nhưng có đóng lãi 5%/tháng, đóng được 11 tháng tổng số tiền 11.000.000đồng, không làm biên nhận, không ai biết. Nay bị đơn không đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Lần 6: Ngày 24/9/2014 (dương lịch), vay 150.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng, trả lãi được 7 tháng là 52.500.000đồng, không làm biên nhận, không ai biết. Nay bị đơn đồng ý trả vốn 150.000.000đồng, không đồng ý trả lãi.

Lần 7: Đối với giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 11/9/2014 âm lịch (nhằm ngày 04/10/2014 dương lịch), vay 300.000.000đ, lãi suất là 5%/tháng, trả lãi được 7 tháng số tiền 105.000.000đồng, không làm biên nhận, không ai biết. Nay bị đơn đồng ý trả vốn 300.000.000đồng, không đồng ý trả lãi.

Lần 8: Đối với biên nhận ngày 28/10/2014 (dương lịch). Bị đơn có thừa nhận có ký tên vào biên nhận này, nhưng không có nhận số tiền 30.000.000đồng, đây là tiền lãi chưa đóng của các khoảng vay trước, nhưng có đóng lãi 5%/tháng, đóng được 6 tháng số tiền 9.000.000đồng, không làm biên nhận, không ai biết. Nay bị đơn không đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Lần 9: Đối với giấy cam kết mượn tiền ngày 12/11/2014 âm lịch (nhằm ngày 02/01/2015 dương lịch). Bị đơn thừa nhận có ký tên vào giấy cam kết mượn tiền này, nhưng không có nhận số tiền 30.000.000đồng, đây là tiền lãi chưa đóng của các khoảng vay trước nhưng có đóng lãi 5%/tháng, đóng được 3

tháng số tiền 4.500.000đồng, không làm biên nhận, không ai biết. Nay bị đơn không đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Lần 10: Đối với biên nhận ngày 21/11/2014 âm lịch (nhằm ngày 11/01/2015 dương lịch). Bị đơn thừa nhận ký tên vào biên nhận này nhưng không có nhận 40.000.000đồng, đây là tiền lãi chưa đóng của các khoảng vay trước có đóng lãi 5%tháng, đóng được 3 tháng số tiền 6.000.000đồng, không làm biên nhận, không ai biết. Nay không đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Lần 11: Đối với biên nhận ngày 12/01/2015 dương lịch. Bị đơn thừa nhận ký tên vào biên nhận này nhưng không có nhận số tiền 20.000.000đồng, đây là tiền lãi chưa đóng của các khoảng vay trước có đóng lãi 5%tháng, đóng được 4 tháng số tiền 4.000.000đồng, không làm biên nhận, không ai biết. Nay bị đơn không đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Lần 12: Đối với biên nhận ngày 26/01/2015 dương lịch. Bị đơn có thừa nhận ký tên vào biên nhận này nhưng không có nhận số tiền 40.000.000đồng, đây là tiền lãi chưa đóng của các khoảng vay trước có đóng lãi 5%tháng, đóng được 03 tháng số tiền 6.000.000đồng, không làm biên nhận, không ai biết. Nay bị đơn không đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Nay bị đơn đồng ý trả số tiền vay vốn là 720.000.000đồng và không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn T và P có ông V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông D và bà L trả lại số tiền vốn là 950.000.000đồng, tiền lãi là 246.994.500đồng. Tổng cộng chung là 1.196.994.500đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chỉ thừa nhận có vay 750.000.000đồng, do bị đơn đã đóng lãi vượt số tiền lãi bị đơn phải chịu số tiền 147.100.000đồng nên yêu cầu khấu trừ vào số tiền vốn vay 750.000.000đồng. Do đó, yêu cầu Tòa án chấp nhận theo lời trình bày của bị đơn đồng ý trả cho ông T bà P số tiền 572.900.000đồng.

Bị đơn D và L thống nhất lời trình bày của luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm nhưng đã được khắc phục; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông D bà L trả số tiền 950.000.000đồng và số tiền lãi là

246.994.500đồng. Tổng cộng chung là 1.196.994.500đồng. Về chi phí giám định: ông T bà P phải chịu 2.500.000đồng chi phí giám định. Ông D bà L phải chịu 2.500.000đồng chi phí giám định. Về án phí sơ thẩm: ông D bà L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T và bà P khởi kiện ông D và L trả số tiền vay 950.000.000đồng và tiền lãi; bị đơn D và Nguyễn Thị Kim P không có yêu cầu phản tố. Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện. Nguyên đơn có địa chỉ cư trú tại nước ngoài, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo theo các quy định tại các Điều 37, 39, 184, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn T và P yêu cầu bị đơn D và L trả lại số tiền vay theo 12 biên nhận với số tiền vốn 950.000.000đồng và tiền lãi là 246.994.500đồng. Tổng cộng chung là 1.196.994.500đồng. Bị đơn D và L chỉ thừa nhận có vay tổng số tiền vốn là 720.000.000đồng nên đồng ý trả lại số tiền này, không đồng ý trả lãi.

[3] Theo ông T bà P trình bày: Ông T bà P cho ông D bà L vay các lần cụ thể như sau: Ngày 18/11/2013 (dương lịch) vay 200.000.000đồng (Giấy mượn tiền – Bút lục 48), ngày 18/12/2013 (dương lịch) vay 30.000.000đồng (Giấy mượn tiền – Bút lục 47), ngày 28/12/2013 (dương lịch) vay 70.000.000đồng (Giấy mượn tiền - cam kết – Bút lục 51), ngày 25/02/2014 (dương lịch) vay 20.000.000đồng (Giấy viết tay – Bút lục 46), ngày 08/4/2014 (âm lịch) nhằm ngày 06/5/2014 (dương lịch) vay 20.000.000đồng (Giấy cam kết mượn tiền – Bút lục 45), ngày 24/9/2014 (dương lịch) vay 150.000.000đồng (Giấy thỏa thuận mượn tiền – Bút lục 52), ngày 11/9/2014 (âm lịch) nhằm ngày 04/10/2014 (dương lịch) vay 300.000.000đồng (Giấy thỏa thuận mượn tiền – Bút lục 50), ngày 28/10/2014 (dương lịch) vay 30.000.000đồng (Giấy viết tay – Bút lục 44), ngày 12/11/2014 (âm lịch) nhằm ngày 02/01/2015 (dương lịch) vay 30.000.000đồng (Giấy cam kết mượn tiền – Bút lục 43), ngày 21/11/2014 (âm lịch) nhằm ngày 11/01/2015 (dương lịch) vay 40.000.000đồng (Giấy cam kết mượn tiền – Bút lục 42), ngày 12/01/2015 (dương lịch) vay 20.000.000đồng (Giấy cam kết mượn tiền – Bút lục 40), ngày 26/01/2015 (dương lịch) vay 30.000.000đồng (Giấy mượn tiền – Bút lục 41).

Lãi suất cho vay theo 12 biên nhận này là 18%/năm, bị đơn đóng lãi được tổng số tiền 123.750.000đồng.

[4] Tại biên bản đối chất ngày 13/7/2017 bị đơn D và L cho rằng chỉ có vay tiền ngày 18/11/2013 (dương lịch) vay 200.000.000đồng (Giấy mượn tiền – Bút lục 48), ngày 28/12/2013 (dương lịch) vay 70.000.000đồng (Giấy mượn tiền - cam kết – Bút lục 51), ngày 24/9/2014 (dương lịch) vay 150.000.000đồng (Giấy thỏa thuận mượn tiền – Bút lục 52), ngày 11/9/2014 (âm lịch) nhằm ngày 04/10/2014 (dương lịch) vay 300.000.000đồng (Giấy thỏa thuận mượn tiền – Bút lục 50). Tổng cộng là 720.000.000đồng, các biên nhận còn lại bị đơn thừa nhận có ký tên nhưng thực tế không có nhận tiền mà đây là tiền lãi, lãi suất cho vay của 12 biên nhận là 5%/tháng với tổng số tiền ông D bà L đã đóng lãi cho ông T bà P số tiền 449.500.000đồng, việc đóng lãi không có làm biên nhận và cũng không ai biết..

Tại phiên tòa bị đơn D và L thừa nhận có ký tên vào 12 biên nhận vay tiền của ông T và P nhưng chưa trả vốn. Do đó buộc ông D bà L đã số tiền nợ vốn 950.000.000đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng) cho ông T bà P là có căn cứ.

[5] Đối với lãi suất cho vay theo ông T bà P cho rằng lãi suất cho vay là 18%/năm được thể hiện trong 12 biên nhận, ông D bà L không thừa nhận lãi suất cho vay là 18%/năm, lãi suất được ghi trong 12 biên nhận là do ông T bà P ghi thêm, thực tế ông D bà L vay tiền của ông T bà P là 5%/tháng. Tuy ông T bà P thừa nhận lãi suất 18%/năm là ghi thêm và tại kết luận giám định kết luận lãi suất 18%/năm là được ghi thêm nhưng ông D bà L cũng không có chứng cứ chứng minh ông T bà P cho vay lãi suất 5%/tháng và đã đóng lãi trên số tiền vay với lãi suất 5%/tháng với số tiền 449.500.000đồng. Do đó không có cơ sở để cho rằng ông D bà L đã đóng lãi cho ông T bà P với lãi suất 5%/tháng với tổng số tiền 449.500.000đồng. Ngoài lời trình bày của ông D, bà L không được ông T, bà P thừa nhận ,ông D, bà L không có chứng cứ nào chứng minh.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày lập hợp đồng vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/8/2017 của từng biên nhận với lãi suất trong hạn và vay không kỳ hạn là 13,5%/năm, lãi suất quá hạn là 9%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Biên nhận ngày 18/11/2013 (dương lịch), vay 200.000.000đồng, thời hạn vay 02 năm. Lãi suất trong hạn 13.5%/năm của 24 tháng là 54.000.000đồng, lãi suất quá hạn 9%/năm của 20 tháng 27 ngày là 31.350.000đồng. Tổng cộng là 85.350.000đồng.

- Biên nhận ngày 18/12/2013 (dương lịch), vay 30.000.000đồng, vay không kỳ hạn. Lãi suất vay không kỳ hạn 13.5%/năm của 43 tháng 27 ngày là 14.816.250đồng.

- Biên nhận ngày 28/12/2013 (dương lịch), vay 70.000.000đồng, vay không kỳ hạn. Lãi suất vay không kỳ hạn 13.5%/năm của 43 tháng 17 ngày là 34.308.750đồng.

- Biên nhận ngày 25/02/2014 (âm lịch) nhằm ngày 25/3/2014 (dương lịch), vay 20.000.000đồng, vay không kỳ hạn. Lãi suất vay không kỳ hạn 13.5%/năm của 40 tháng 20 ngày là 9.150.000đồng.

- Biên nhận ngày 08/4/2014 (âm lịch) nhằm ngày 06/5/2014 (dương lịch), vay 20.000.000đồng, vay không kỳ hạn. Lãi suất vay không kỳ hạn 13.5%/năm của 39 tháng 09 ngày là 8.842.500đồng.

- Biên nhận ngày 24/9/2014 (dương lịch), vay 150.000.000đồng, kỳ hạn 01 năm. Lãi suất trong hạn 13.5%/năm của 12 tháng là 20.250.000đồng, lãi suất quá hạn 9%/năm của 22 tháng 21 ngày là 25.537.500đồng. Tổng cộng là 45.787.500đồng.

- Biên nhận ngày 11/9/2014 (âm lịch) nhằm ngày 04/10/2014 (dương lịch), vay 300.000.000đồng, kỳ hạn 03 năm. Lãi suất trong hạn 13.5%/năm của 34 tháng 09 ngày là 115.762.500đồng.

- Biên nhận ngày 28/10/2014 (dương lịch), vay 30.000.000đồng, vay không kỳ hạn. Lãi suất vay không kỳ hạn 13.5%/năm của 33 tháng 17 ngày là 11.328.750đồng.

- Biên nhận ngày 12/11/2014 (âm lịch) nhằm ngày 02/01/2015 (dương lịch), vay 30.000.000đồng, vay không kỳ hạn. Lãi suất vay không kỳ hạn 13.5%/năm của 31 tháng 13 ngày là 10.608.750đồng.

- Biên nhận ngày 21/11/2014 (âm lịch) nhằm ngày 11/01/2015 (dương lịch), vay 40.000.000đồng, vay không kỳ hạn. Lãi suất vay không kỳ hạn 13.5%/năm của 31 tháng 04 ngày là 14.010.000đồng.

- Biên nhận ngày 12/01/2015 (dương lịch), vay 20.000.000đồng, vay không kỳ hạn. Lãi suất vay không kỳ hạn 13.5%/năm của 31 tháng 03 ngày là 6.997.500đồng.

- Biên nhận ngày 26/01/2015 (dương lịch), vay 40.000.000đồng, vay không kỳ hạn. Lãi suất vay không kỳ hạn 13.5%/năm của 30 tháng 19 ngày là 13.785.000đồng.

Tổng cộng: 370.744.500đồng.

Khấu trừ số tiền lãi ông T bà P đã nhận của ông D bà L: 370.744.500đồng – 123.750.000đồng = 246.994.500đồng.

Dó đó buộc ông D bà L phải trả số tiền vốn 950.000.000đồng và tiền lãi 246.994.500đồng là có căn cứ.

[8] Về chi phí giám định: Buộc ông D bà L phải chịu chi phí giám định số tiền 2.500.000đồng. Buộc ông T và Đặng Thị Kim Phung phải chịu chi phí giám định số tiền 2.500.000đồng theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông D bà P đã nộp tạm ứng chi phí giám định số tiền 5.000.000đồng theo phiếu thu ngày 29/3/2016 tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long nên được khấu trừ. Ông T bà P phải nộp số tiền 2.500.000đồng để hoàn trả cho ông D bà L.

[9] Về án phí: Buộc ông D bà L phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 47.909.835đồng đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án. Xét ông D bà L có đơn xin miễn giảm án phí nên Hội đồng xét xử thống nhất giảm cho ông D bà L 50% án phí, buộc ông D bà L phải chịu số tiền 23.954.900đồng là có căn cứ.

Hoàn trả cho ông T bà P số tiền tạm ứng án phí 28.500.000đồng theo biên lai thu số 031732 ngày 06/7/2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 37, 39, 147, 161, 184, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, 474, 476, 477, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và P.

Buộc ông D và bà L trả cho ông T và bà P số tiền vốn là 950.000.000đồng và tiền lãi là 246.994.500đồng. Tổng cộng chung là 1.196.994.500đồng (Một tỷ một trăm chín mươi sáu triệu chín trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc ông D bà L phải chịu số tiền 23.954.900đồng (Hai mươi ba triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm đồng) án phí sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông T bà P số tiền 28.500.000đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 031732 ngày 06/7/2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về chi phí giám định: Buộc ông D bà L phải chịu chi phí giám định số tiền 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Buộc ông T và P phải chịu chi phí giám định số tiền 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Do

ông D bà L đã nộp tạm ứng chi phí giám định số tiền 5.000.000đồng theo phiếu thu ngày 29/3/2016 tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long nên được khấu trừ. Ông D bà L đã nộp xong. Ông T bà P phải nộp số tiền 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) để hoàn trả cho ông D bà L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- Cục THADS; 01;
- Đ/s: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư

